

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯỚNG THỦ HƯỚNG THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Giấy rút dự toán số 83; ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Mẫu số 09
Mã hiệu:
Số:

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường mầm non Thanh Chân

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

2. Mã đơn vị: 1096017

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 8903201007611 mở tại ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Mường Thanh, Điện Biên

1. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền thưởng ND 73/2024/ND-CP năm 2025

(Đơn vị: đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Chi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền theo chế độ	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số			331.119.360				331.119.360	0			
I. Đối với công chức, viên chức			331.119.360				331.119.360	0			
1	Phan Thị Hoa	8903666369888	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606			12.158.606				
2	Nguyễn Thị Thanh Trà	8903888353888	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606			12.158.606				
3	Lò Thị Anh Thư	8903999353999	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
4	Đỗ Thị Mai	8903215015510	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
5	Bùi Thị Hoa	8903215037962	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
6	Đào Thị Xuyên	8903215015460	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
7	Trần Thị Thùy	8903215038046	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606			12.158.606				
8	Nguyễn Thị Hương	8903215037985	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
9	Mào Thị Thơ	8903215038030	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
10	Lò Thị Nhân	8903215015540	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
11	Đinh Thị Hào	8903215020086	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				
12	Lò Thị Cương	8903215037956	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458			10.537.458				

13	Quảng Thị Phúc	8903215020092	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606															
14	Vũ Thị Xuyên	8903215038069	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
15	Quảng Thị Nga	8903215037991	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
16	Nguyễn Ngọc Hà	8903215015454	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
17	Nguyễn Thị Oanh	8903215038017	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606															
18	Lò Thị Pánh	8903215038023	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
19	Hà Thị Nhân	8903215006272	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
20	Lò Thị Tiên	8903205145590	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
21	Lò Thị Xuyên	8903215038052	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
22	Lò Thị Là	8903215027873	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
23	Lương Thị Loan	8903215020448	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
24	Nguyễn Thị Nga	8903215038075	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
25	Trần Thị Hồng Nhung	8903215038000	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
26	Phạm Thị Hải	8903215026762	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	12.158.606															
27	Lò Thị Thắm	8903382514779	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
28	Nguyễn Thị Thúy	8903205109233	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
29	Đào Thị Hoa	8903963979368	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
30	Nguyễn Văn Hoàn	8903215054535	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	10.537.458															
31	Lương Thị Thành	8903215038102	Agribank CN Mường Thanh Điện Biên	5.268.732															
II.	Đối với lao động HĐ thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP																		
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ND 111/2022/NĐ-CP																		
IV	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng																		
V	Thanh toán khác cho cá nhân																		

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi mốt triệu, một trăm mười chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

1. Tổng số biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao: 30 biên chế

Số biên chế công chức, viên chức tăng (giảm) trong tháng: 0 biên chế

2. Tổng số hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao: 01 hợp đồng

Số hợp đồng lao động tăng (giảm) trong tháng: 0 hợp đồng

3. Số tiền đã chuyển lương và phụ cấp theo lương (trừ phụ cấp làm thêm giờ) tháng trước:

4. Số tiền chuyển lương và phụ cấp theo lương (trừ phụ cấp làm thêm giờ) tháng này :

- Số tiền tăng trong tháng:

- Số tiền truy lĩnh (nếu có):

- Số tiền giảm trong tháng:

- Chênh lệch tăng (giảm) tháng này so với tháng trước:

5. Tổng số tiền chuyển tháng này: 331.119.360 đồng

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đào Thị Hoa

Giao dịch viên

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đào Thị Hoa

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 22 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Hoa

Ngày..... tháng..... năm 2025

Giám đốc KBNN khu vực X